

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST

Ngày 20-4-2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thái Hưng;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Đàm;

Ông Nguyễn Quang Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Quyên – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái: Bà Lân Thị Ngọc Hoa- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Hoàng Thị S-** Sinh ngày 20/02/1996,

Quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ: Thôn Hợp Nhất, xã Nghĩa Tâm, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái (Vắng mặt)

2. Bị đơn: **Ông Zhuang, Qing H** - Sinh ngày 24/4/1979,

Nơi sinh: Phúc Kiến. Quốc tịch: Trung Quốc

Số CMND: 350627197904243035. Nơi cấp: Công an huyện Nam Tĩnh.

Số hộ chiếu: E3I248303;

Ngày cấp: 29-10-2013; Ngày hết hạn: 29-10-2023.

Địa chỉ: Số 20 Nhân Hòa, thôn Điểm Mỹ, thị trấn Khuê Dương, huyện Nam Tĩnh, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 7 năm 2020 và bản tự khai, nguyên đơn bà Hoàng Thị S trình bày:

Bà Hoàng Thị S kết hôn với ông Zhuang Qing H vào ngày 05-9-2014, trên cơ sở tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại số 20 Nhân Hòa, thôn Điểm Mỹ, thị trấn Khuê Dương, huyện Nam Tĩnh, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng không còn tình cảm với nhau, hiện nay bà S đã về Việt Nam sinh sống, bà S xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn với ông Zhuang Qing H.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Zhuang Ya Q- sinh ngày 02 tháng 01 năm 2016, hiện nay cháu đang do ông Zhuang Qing H nuôi dưỡng, khi ly hôn thì bà S có nguyện vọng giao con chung cho ông Zhuang Qing H nuôi dưỡng và bà S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai do Tòa án nhân dân huyện Nam Tĩnh, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc lấy lời khai của ông Zhuang Qing H thể hiện: Ông Zhuang Qing H cũng xác định việc kết hôn cũng như quá trình chung sống của vợ chồng đúng như bà Hoàng Thị S trình bày. Nay bà Hoàng Thị S xin ly hôn thì ông cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Zhuang Ya Q- sinh ngày 02 tháng 01 năm 2016, hiện nay cháu đang do ông Zhuang Qing H nuôi dưỡng và khi ly hôn ông Zhuang Qing H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu bà S phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị của ông Zhuang Qing H là do ông không về Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái, Việt Nam để giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung được ông đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, các thành viên khác trong Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình chuẩn bị xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Kiểm sát viên đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị S như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị S được ly hôn ông Zhuang Qing H.

- Về con chung: Giao cháu Zhuang Ya Q- sinh ngày 02 tháng 01 năm 2016 cho ông Zhuang Qing H được trực tiếp nuôi dưỡng và bà S không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vì các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

- Về lệ phí tố tụng và án phí: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án ly hôn có đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái theo quy định tại khoản 3 Điều 35 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái đã ủy thác để lấy lời khai của ông Zhuang Qing H, nhưng kết quả ủy thác nhận được sau khi mở lại phiên hòa giải nên Tòa án xác định đây là trường hợp không tiến hành hòa giải được. Bà Hoàng Thị S và ông Zhuang Qing H đã cung cấp đầy đủ lời khai và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái mở phiên tòa xét xử vắng mặt bà Hoàng Thị S và ông Zhuang Qing H.

[2] Xét yêu cầu của bà Hoàng Thị S:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị S và ông Zhuang Qing H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đã có nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn. Bà Hoàng Thị S và ông Zhuang Qing H đều có nguyện vọng được ly hôn. Xét thấy, hiện nay bà S và ông Zhuang không còn quan tâm đến nhau và mỗi người sống một nước khác nhau, khoảng cách địa lý không thuận lợi, đời sống chung của vợ chồng không có, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Hoàng Thị S đối với ông Zhuang Qing H.

Về con chung: Vợ chồng bà Hoàng Thị S và ông Zhuang Qing H có một con chung là cháu Zhuang Ya Q- sinh ngày 02 tháng 01 năm 2016. Các bên đã tự nguyện, thống nhất về việc nuôi dưỡng và việc không cấp dưỡng nuôi con. Nên cần giao cháu Zhuang Ya Q cho ông Zhuang Qing H được trực tiếp nuôi dưỡng và bà S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Hoàng Thị S và ông Zhuang Qing H đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về chi phí tố tụng: Bà Hoàng Thị S phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp và lệ phí tổng đạt bản án theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Bà Hoàng Thị S phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83

của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 151; Khoản 1 Điều 152; Khoản 3 Điều 153; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27; Điều 44 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 -12- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị S được ly hôn ông Zhuang Qing H.

2. Về con chung: Giao cháu Zhuang Ya Q- sinh ngày 02 tháng 01 năm 2016 cho ông Zhuang Qing H nuôi dưỡng đến khi 18 tuổi hoặc có sự thay đổi, bà Hoàng Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Bà Hoàng Thị S phải chịu 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài và 200.000 đồng tiền lệ phí tổng đạt bản án ra nước ngoài, nhưng được trừ vào biên lai nộp tiền số AA/2017/0005782 ngày 22-7-2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái và biên lai số AA/2017/0008675 ngày 01-4-2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái). Bà S đã nộp đủ tiền lệ phí.

4. Về án phí: Bà Hoàng Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà S đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0005781 ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái. Bà S đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, Bà Hoàng Thị S có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Bản án được niêm yết, ông Zhuang Qing H có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT3-TAND Tối cao;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- UBND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái;
- Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Thái Hưng